

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1171/2026/DS-PT
Ngày: 17-9-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 627/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 295/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 462/2026/QĐXX-PT ngày 08 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Ngọc Kim N, sinh năm 1995; CCCD số: 072195000384, cấp ngày 20/8/2021; Nơi cư trú: tổ C, khu phố C, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Đặng Minh T, sinh năm 1980; nơi thường trú: Ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú: Số G, đường N, khu phố E, phường T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 27/9/2025) (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1964; CCCD số: 052164010492, cấp ngày 09/05/2022; Nơi cư trú: Nhà số F đường B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Đặng Thị Xuân T1, sinh năm 2002; nơi cư trú: Số D, hẻm F, đường Đ, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2025) (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lâm Thị Ngọc O, sinh năm 1966; CCCD số: 072166000749, cấp ngày 25/8/2021; Nơi cư trú: Số C, đường G, khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đặng Minh T trình bày có nội dung:

Ngày 20/7/2022 âm lịch (ngày 17/8/2022 dương lịch), chị N cho bà H vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà H có viết giấy mượn tiền và ký ghi họ tên, hai bên thống nhất khi nào chị N cần lấy lại tiền gốc sẽ thông báo cho bà H trước 02 tháng. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, bà H đã đóng tiền lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng từ ngày 17/9/2022 đến ngày 17/4/2023, tháng 5/2023 ngưng chưa đóng tiền lãi. Tiền gốc chưa trả. Người nhận tiền lãi là bà O (là mẹ chị N).

Sau đó, chị N nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H trả lại tiền gốc và tiền lãi từ tháng 5 năm 2023 nhưng bà H cố tình né tránh không thực hiện. Vì vậy, chị N khởi kiện yêu cầu bà H trả lại chị N số tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi theo lãi suất theo quy định Nhà nước 20%/năm kể từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T là người đại diện theo ủy quyền của chị N trình bày: Chị N yêu cầu bà H trả lại chị N số tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, khấu trừ tiền lãi mà bà H đã trả cho chị N vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật (20%/năm) vào tiền gốc và yêu cầu bà H trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc còn lại sau khi khấu trừ kể từ ngày 17/5/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Đặng Thị Xuân T1 trình bày:

Bà H và chị N không có mối quan hệ làm ăn, hợp tác hay giao dịch vay mượn tiền trực tiếp với nhau. Trong suốt quá trình làm ăn, bà H chỉ giao dịch trực tiếp với bà O là mẹ ruột của chị N. Tại thời điểm vay, bà O là người trực tiếp mang tiền đến giao cho bà H, không phải chị N. Việc bà H lập giấy nhận nợ mang tên chị N là theo yêu cầu của bà O. Thực tế, khoản tiền nêu trên là quan hệ vay mượn giữa bà H và bà

O, không phải quan hệ vay mượn giữa bà H và chị N. Sau khi nhận tiền, bà H đã gộp khoản vay này chung với các khoản vay khác của bà O và thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi trực tiếp cho bà O hằng tháng, liên tục từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023.

Chị N không phải là người trực tiếp giao tiền cho bà H, không tham gia thỏa thuận vay mượn, không quản lý việc thu tiền gốc và lãi và cũng không có căn cứ chứng minh quan hệ vay mượn thực tế giữa bà H và chị N ngoài việc đứng tên trên giấy nhận nợ theo sự sắp xếp của bà O. Vì vậy, bà H đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N; trường hợp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, bà H đề nghị khấu trừ tiền lãi đã đóng vượt quá quy định pháp luật theo sự thừa nhận của chị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Ngọc O trình bày có nội dung:

Số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mà chị N cho bà H vay vào ngày 20/7/2022 âm lịch là tiền của chị N, bà có lấy lãi hàng tháng từ bà H giúp chị N, bà không cho bà H vay số tiền này. Đến hết tháng 4/2023 dương lịch bà H không trả phần tiền lãi này cho đến nay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 295/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Ngọc Kim N đối với bà Đỗ Thị H.

Buộc bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Châu Ngọc Kim N số tiền 116.720.730 (một trăm mười sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, bảy trăm ba mươi) đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 89.333.333 đồng, số tiền nợ lãi là 27.387.397 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/6/2026, bà Đỗ Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc xác định lại chính xác số tiền nghĩa vụ còn lại (nếu có) theo đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị H đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 295/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị H thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Châu Ngọc Kim N khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị H hoàn trả tiền vốn vay và lãi suất cho chị N. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị H, thấy rằng:

[4.1] Anh T là người đại diện theo uỷ quyền của chị N trình bày: Ngày 20/7/2022 âm lịch (tức ngày 17/8/2022 dương lịch), chị N cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, có làm giấy nợ do bà H viết, bà H ký và ghi họ tên vào giấy nợ. Chị T1 là người đại diện theo uỷ quyền của bà H trình bày: Bà H và chị N không có giao dịch vay mượn tiền trực tiếp với nhau, bà H chỉ vay tiền của bà O. Tại thời điểm vay, bà O là người trực tiếp mang tiền đến giao cho bà H, việc bà H viết giấy nhận nợ mang tên chị N là theo yêu cầu của bà O, người nhận tiền góp hàng tháng do bà H trả là bà O.

[4.2] Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên Toà, bà H và người đại diện theo uỷ quyền của bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là vay tiền của O không vay tiền của chị N, đồng thời bà O xác nhận khoản tiền vay này là của chị N nên lời trình bày trên của bà H không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4.3] Từ những phân tích trên có cơ sở xác định: Ngày 20/7/2022 âm lịch (tức ngày 17/8/2022 dương lịch), bà H có vay số tiền 100.000.000 đồng của chị N, có làm giấy nợ, không thoả thuận thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất.

[4.4] Về tiền lãi: Người đại diện hợp pháp của chị N cho rằng các bên thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, bà H trả tiền lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng từ ngày 17/9/2022 đến ngày 17/4/2023. Người đại diện hợp pháp của bà H cho rằng lãi suất vay là 2%/tháng, góp chung các khoản tiền nợ khác của bà O từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023. Do đó, có cơ sở xác định: Đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi suất, được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên chưa thống nhất mức lãi suất vay nên thuộc trường hợp có tranh chấp lãi suất và lãi suất được tính là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ngoài lời khai của các bên thì không có chứng cứ việc bà H trả tiền hàng tháng là trả tiền lãi hay trả tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận lời khai về việc bà H trả tiền hàng tháng là trả tiền gốc và lãi. Nguyên đơn thừa nhận bà H trả tiền lãi với mức lãi suất 3%/tháng, trả tiền lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng từ ngày 17/9/2022 đến ngày 17/4/2023, tổng cộng là 8 tháng với số tiền 24.000.000 đồng. Tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định là 13.333.333 đồng, số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định là $24.000.000 \text{ đồng} - 13.333.333 \text{ đồng} = 10.666.667 \text{ đồng}$. Vì vậy, khấu trừ tiền lãi đã đóng vượt quá mức lãi suất theo quy định vào tiền gốc, số tiền nợ gốc được xác định là $100.000.000 \text{ đồng} - 10.666.667 \text{ đồng} = 89.333.333 \text{ đồng}$.

Chị N yêu cầu bà H trả số tiền gốc còn phải thanh toán là 89.333.333 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 17/5/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án là phù hợp.

[5] Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền vay gốc là 89.333.333 đồng và tiền lãi là 27.387.397 đồng là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H; Chấp nhận quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do bà H là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn nộp án phí nên bà H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H.
3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 295/2026/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Ngọc Kim N đối với bà Đỗ Thị H.

Buộc bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Châu Ngọc Kim N số tiền 116.720.730 (một trăm mười sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, bảy trăm ba mươi) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 89.333.333 đồng, số tiền nợ lãi là 27.387.397 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Châu Ngọc Kim N số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012240 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà H là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn nộp án phí nên bà H không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 10 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Thanh